

4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

¹⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

T T	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0,18	0,27
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,27	0,43

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

T T	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	354.651.808.644	316.830.158.092
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	345.771.856.353	303.272.360.844
1	Học phí, lệ phí từ người học	315.849.375.911	287.532.037.544
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	29.922.480.442	15.740.323.300
III	Thu khoa học và công nghệ	514.568.092	1.225.634.826
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	252.974.800	1.108.169.826
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác	261.593.292	117.465.000
IV	Thu khác	8.365.384.199	12.332.162.422
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	304.701.308.142	264.151.116.173
I	Chi lương, thu nhập	124.350.914.273	102.336.218.542
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	58.492.457.250	45.962.384.969